

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1102/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 16/8/2022

V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Mỹ Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Kim Liên

2/ Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm

Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Như Oanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 497/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 184/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 167/2022/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thụy Quỳnh T, sinh năm 1984 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: 242/2 khu phố 8A, phường A, Thành phố B, tỉnh C.

Bị đơn: Ông Nguyễn Xuân H, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: 4/3I ấp D, xã E, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/3/2021; Bản tự khai ngày 23/12/2021; Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ ngày 06/01/2022 và ngày 12/5/2022; Biên bản về việc không tiến hành hòa giải được ngày 06/01/2022 và ngày 12/5/2022, nguyên đơn bà Nguyễn Thụy Quỳnh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2013, bà và ông H đã tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, hai bên có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, Thành phố B, tỉnh C ngày 11/01/2013.

Thời gian đầu sau khi kết hôn, vợ chồng bà chung sống hạnh phúc. Đến đầu năm 2015 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng ý kiến, quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên gây gổ, xúc phạm lẫn nhau. Ông H không chăm lo làm ăn, không quan tâm lo lắng cho gia đình. Bà đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông H không thay đổi. Vợ chồng bà không còn quan tâm, tôn trọng và yêu thương nhau nữa. Bà và ông H đã ly thân từ đầu năm 2016 đến nay. Bà sống tại nhà cha mẹ ruột tại tỉnh C còn ông H sống tại Thành phố Hồ Chí Minh. Trong thời gian ly thân thì ông H rất ít khi về thăm con.

Nhận thấy cuộc sống chung không có hạnh phúc, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng khó hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà xin được ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà và ông H có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Thiên H1, sinh ngày 17/01/2014.

Hiện tại, trẻ H1 đang ở với bà nên bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ H1, không yêu cầu ông H cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung: Bà khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Xuân H, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Giấy triệu tập nhưng ông H không đến Tòa án để tham gia vụ kiện. Do đó, vụ án được đưa ra xét xử để Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thụy Quỳnh T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Về phía bị đơn ông Nguyễn Xuân H, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn ông H vẫn vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn phát biểu ý kiến như sau:

*Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán:

Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 về thẩm quyền thụ lý vụ án. Sau khi thụ lý vụ án, Thẩm phán đã ban hành thông báo thụ lý vụ án giao cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn và bị đơn theo đúng quy định tại Điều 196 Bộ luật tố tụng dân sự. Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự về việc tiến hành lập hồ sơ hòa giải, gửi quyết định đưa vụ án ra xét xử đến Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, tổng đạt các văn bản tố tụng và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn tại Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, còn vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định pháp luật về việc xét xử sơ thẩm vụ án được quy định tại các Điều 239, 243, 247, 248, 249, 250, 251, 252, 254, 258, 260 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thụy Quỳnh T yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Xuân H. Đây là quan hệ pháp luật về “Ly hôn”, căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn là ông Nguyễn Xuân H cư trú tại huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự tham gia của các đương sự:

Đối với nguyên đơn bà Nguyễn Thụy Quỳnh T: Sau khi cung cấp lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, bà có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử nhận thấy việc vắng mặt của bà T không gây ảnh hưởng hoặc làm thay đổi nội dung vụ án và phù hợp với Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 nên có cơ sở chấp nhận.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Xuân H: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Giấy triệu tập; Quyết định đưa vụ án ra xét xử để thông báo thời gian mở phiên tòa vào lúc 9 giờ 00 phút ngày 19/7/2022 nhưng ông H vắng mặt. Tòa án đã ra Quyết định hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào lúc 08 giờ 30 phút ngày 16/8/2022 nhưng hôm nay ông H vẫn vắng mặt. Do vậy, Tòa án xét xử vắng mặt ông H là phù hợp với quy định Điều 227 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thụy Quỳnh T và ông Nguyễn Xuân H:

Vào năm 2013 bà T và ông H tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, hai bên có đăng ký kết hôn tại UBND phường A, Thành phố B, tỉnh C ngày 11/01/2013. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông H là quan hệ hôn nhân

hợp pháp.

Theo lời trình bày của bà T thì thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng ông bà chung sống hạnh phúc. Đến năm 2015 vợ chồng bà phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng ý kiến, quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên gây gổ, xúc phạm lẫn nhau, ông H không chăm lo làm ăn, không quan tâm lo lắng cho gia đình. Bà đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông H vẫn không thay đổi. Năm 2016 bà đã chuyển về nhà cha mẹ ruột tại tỉnh C sinh sống và đôi bên cũng đã ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian ly thân ông H rất ít về thăm con mà bỏ mặc một mình bà chăm lo cho con nhỏ. Giữa bà và ông H không còn quan tâm, tôn trọng và yêu thương nhau nữa. Do đó, bà xin được ly hôn với ông H.

Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ ông Nguyễn Xuân H đến trụ sở Tòa án để giải quyết vụ án, nhưng ông H vắng mặt không lý do. Khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: *“Đương sự có nghĩa vụ đưa chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”*. Như vậy, ông H đã từ bỏ quyền chứng minh của mình, không đến Tòa án để tham gia giải quyết vụ kiện. Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai của bà Trang và những tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ để làm cơ sở giải quyết vụ án. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà T xin được ly hôn với ông H là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về con chung: Bà T và ông H có 01 con chung tên: Nguyễn Ngọc Thiên H1, sinh ngày 17/01/2014.

Hiện tại, trẻ H1 đang ở với bà nên bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ H1, không yêu cầu ông H cấp dưỡng tiền nuôi con.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định: *“Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; nếu không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con; nếu con từ đủ 7 tuổi trở lên thì xem xét nguyện vọng của con”*.

Căn cứ vào bản tự khai của trẻ Nguyễn Ngọc Thiên H1;

Hội đồng xét xử xét thấy, hiện trẻ H1 đang do bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và nguyện vọng của trẻ H1 là mong muốn được ở với bà T. Do vậy, để đảm bảo ổn định về mặt tâm lý cũng như sự phát triển toàn diện của trẻ về mọi mặt nên xét yêu cầu của bà T xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ H1 là có cơ sở chấp nhận.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng tiền nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Bà T khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Bà T khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết

nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật
Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 203; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thụy Quỳnh T được ly hôn với ông Nguyễn Xuân H.

2/ Về con chung: Bà T và ông H có 01 con chung là trẻ Nguyễn Ngọc Thiên H1, sinh ngày 17/01/2014.

Sau ly hôn, giao trẻ Nguyễn Ngọc Thiên H1 cho bà Nguyễn Thụy Quỳnh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với ông Nguyễn Xuân H cho đến khi bà Nguyễn Thụy Quỳnh T có đơn yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định mức cấp dưỡng nuôi con.

3/ Về tài sản chung: Bà T khai không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4/ Về nợ chung: Bà T khai không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5/ Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, bà Nguyễn Thụy Quỳnh T chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0075078 ngày 11/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn. Bà T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật

thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND H.HM;
- Cơ quan THADS H.HM;
- UBND phường A, thành phố B, tỉnh C;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Mỹ Linh